

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ Y TẾ


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1331 /SYT-TCCB
V/v tuyển sinh Chuyên khoa cấp I,
Chuyên khoa cấp II năm 2014-đợt 2
của trường Đại học Y Dược Huế

Quảng Ngãi, ngày 27 tháng 8 năm 2014

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc Sở.

Sở Y tế có nhận Thông báo số 1490/TB-ĐHYD-SĐH ngày 11 tháng 8 năm 2014 của Trường Đại học Y Dược Huế về việc tuyển sinh Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II năm 2014-đợt 2;

Sở Y tế sao chụp lại Thông báo này gửi các đơn vị để nắm rõ nội dung cụ thể và tiến hành xem xét, cử chọn Viên chức nộp hồ sơ dự thi tuyển nếu đơn vị có nhu cầu. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Ph. TC-CB.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tấn Hùng

Thừa Thiên Huế, ngày 11 tháng 08 năm 2014

SỞ Y TẾ QUẢNG NGÃI

ĐẾN Số: 971
Ngày: 26/8/2014
Chuyên: TC
Lưu hồ sơ số:

THÔNG BÁO

Tuyển sinh Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II năm 2014 – đợt 2
của Trường Đại học Y Dược Huế

Căn cứ vào các văn bản của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiệm vụ đào tạo Bác sĩ chuyên khoa cấp I, chuyên khoa cấp II cho Trường Đại học Y Dược Huế;

Căn cứ Quyết định số 1636 và 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25/05/2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo Chuyên khoa cấp I và Chuyên khoa cấp II;

Trường Đại học Y Dược Huế thông báo nội dung, kế hoạch tuyển sinh Chuyên khoa cấp I, Chuyên khoa cấp II năm 2014 – đợt 2 như sau:

I. CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO

1.1. CHUYÊN KHOA CẤP I:

Hệ tập trung 2 năm gồm các chuyên ngành sau:

- | | | |
|-----------------------|------------------------------------|--------------------------------|
| 1. Nội khoa | 12. Huyết học – Truyền máu | 23. Hoá sinh Y học |
| 2. Ngoại khoa | 13. Ký sinh trùng – côn trùng | 24. Ung thư |
| 3. Sản phụ khoa | 14. Dịch tễ học | 25. Lao |
| 4. Nhi khoa | 15. Thần kinh | 26. Phục hồi chức năng |
| 5. Nhân khoa | 16. Da liễu | 27. Điều dưỡng |
| 6. Răng Hàm Mặt | 17. Y học dự phòng | 28. Hồi sức cấp cứu |
| 7. Tai Mũi Họng | 18. Vi sinh y học | 29. Cấp cứu đa khoa |
| 8. Chẩn đoán hình ảnh | 19. Sinh lý | 30. Tổ chức quản lý Dược |
| 9. Y tế công cộng | 20. Truyền nhiễm và bệnh nhiệt đới | 31. Dược liệu – Dược cổ truyền |
| 10. Gây mê hồi sức | 21. Tâm thần | 32. Dược lý – Dược lâm sàng |
| 11. Y học cổ truyền | 22. Y học gia đình | |

1.2. CHUYÊN KHOA CẤP II:

Hệ tập trung 2 năm gồm các chuyên ngành sau:

- | | | |
|-------------------------|------------------|--|
| 1. Nội khoa | 11. Phụ khoa | 21. Tâm thần |
| 2. Nội Thận – Tiết niệu | 12. Sản khoa | 22. Mũi họng |
| 3. Nội Tim mạch | 13. Nhi khoa | 23. Huyết học |
| 4. Nội Nội tiết | 14. Nhi Tim mạch | 24. Thần kinh |
| 5. Nội Tiêu hoá | 15. Nhi Tiêu hóa | 25. Chẩn đoán hình ảnh |
| 6. Lão khoa | 16. Nhi Thận | 26. Hóa sinh y học |
| 7. Ngoại khoa | 17. Nhi Sơ sinh | 27. Y học cổ truyền |
| 8. Ngoại Tiêu hóa | 18. Nhân khoa | 28. Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới |
| 9. Ngoại Tiết niệu | 19. Răng Hàm Mặt | |
| 10. Sản phụ khoa | 20. Quản lý Y tế | |



II. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC DỰ THI TUYỂN

2.1. THI VÀO CHUYÊN KHOA CẤP I:

Thí sinh cần có các điều kiện sau:

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp Đại học thuộc ngành học tương ứng với chuyên ngành đăng ký dự thi và phải có chứng chỉ định hướng chuyên khoa đối với các chuyên ngành Nhân khoa, Răng Hàm Mặt, Tai Mũi Họng.

- Đối với Chuyên khoa cấp 1 Điều dưỡng: riêng các thí sinh hệ vừa làm vừa học phải có bằng tốt nghiệp Đại học ngành Điều dưỡng loại giỏi trở lên.

- Thời gian thâm niên công tác:

+ Các bác sĩ, dược sĩ, cử nhân điều dưỡng (hệ chính quy), y tế công cộng, y học dự phòng đã công tác trong chuyên ngành từ 12 tháng trở lên (tính đến ngày 09/09/2014).

+ Các thí sinh hệ tự do: phải đóng kinh phí đào tạo theo quy định và phải có giấy xác nhận đã công tác trong chuyên ngành từ 12 tháng trở lên (tính đến ngày 09/09/2014) của một cơ sở y tế.

- Tuổi đời không quá 45 đối với nữ và 50 đối với nam (tính đến ngày 09/09/2014).

- Có đủ sức khỏe (theo Quy định tại Thông tư liên Bộ Y tế, ĐHTHCN và Dạy nghề số 10/TTLB ngày 18/8/1989 và công văn hướng dẫn 2445/TS ngày 20/5/1990 của Bộ Giáo dục & Đào tạo).

- Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Người nước ngoài muốn học Chuyên khoa cấp I tại Việt Nam, phải có đủ các điều kiện quy định ở điều này và được Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam giới thiệu.

2.2. THI VÀO CHUYÊN KHOA CẤP II:

Thí sinh cần có các điều kiện sau:

- Có bằng tốt nghiệp Chuyên khoa cấp I chuyên ngành tương ứng, có thâm niên công tác trong chuyên ngành xin học từ 6 năm trở lên (không kể thời gian học Chuyên khoa cấp I); có bằng tốt nghiệp Bác sĩ Nội trú bệnh viện đã công tác trong chuyên ngành 03 năm (tính từ ngày tốt nghiệp bác sĩ nội trú); có bằng tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành tương ứng từ 6 năm trở lên. Thời gian và thâm niên công tác tính đến ngày 09 tháng 09 năm 2014.

- Tuổi đời không quá 50 đối với nữ và 55 đối với nam (tính đến ngày 09/09/2014).

- Có đủ sức khỏe (theo Quy định tại thông tư liên Bộ Y tế, ĐHTHCN và dạy nghề số 10/TTLB ngày 18/8/1989 và công văn hướng dẫn 2445/TS ngày 20/5/1990 của Bộ Giáo dục & Đào tạo).

- Lý lịch bản thân rõ ràng, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Các đối tượng ngoài biên chế nhà nước, nếu có nhu cầu học tập phải đóng kinh phí đào tạo theo đúng các quy định của Nhà nước.

- Người nước ngoài muốn học Chuyên khoa cấp II tại Việt Nam, phải có đủ các điều kiện quy định ở điều này và được Bộ Ngoại giao Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam giới thiệu.

III. HỒ SƠ DỰ THI GỒM CÓ

1. Đơn xin dự thi: ghi rõ chuyên ngành dự thi và môn ngoại ngữ dự thi (đối với thí sinh thi tuyển Chuyên khoa cấp II).
2. Bản sao Giấy chứng nhận định hướng chuyên khoa (có công chứng) đối với các chuyên ngành Nhân khoa, Răng Hàm Mặt, Tai Mũi Họng.
3. Bản sao Bằng tốt nghiệp Đại học (có công chứng). Đối với thí sinh dự thi Chuyên khoa cấp II thì phải có thêm bằng Chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ tương ứng với chuyên ngành dự thi (kèm theo bản sao có công chứng bảng điểm).
4. Giấy xác nhận thâm niên công tác trong chuyên ngành.
5. Công văn cử đi thi tuyển của cơ quan quản lý (nếu là cán bộ thuộc biên chế nhà nước), của chính quyền địa phương hay cơ sở hành nghề tư nhân (nếu không thuộc biên chế nhà nước).
6. Sơ yếu lý lịch: Có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền quản lý (cơ quan hay địa phương hoặc cơ sở hành nghề tư nhân), ghi rõ nơi sinh theo tỉnh mới nếu có.
7. Giấy khám sức khỏe do bệnh viện đa khoa cấp.
8. 03 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh và nơi sinh).
9. 04 phong bì có dán tem và ghi cụ thể địa chỉ người nhận.

Tất cả đựng trong túi hồ sơ; ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, nơi sinh, đơn vị công tác, địa chỉ, số điện thoại liên lạc và các mục giấy tờ xếp theo thứ tự nêu trên.

IV. CÁC MÔN THI TUYỂN

4.1. THI VÀO CHUYÊN KHOA CẤP I: gồm 2 môn bắt buộc

- MÔN CƠ SỞ:

+ **Giải phẫu** cho các chuyên ngành Ngoại khoa, Sản phụ khoa, Nhân khoa, Tai Mũi Họng, Chẩn đoán hình ảnh, Ung thư, Sinh lý học.

+ **Sinh lý** cho các chuyên ngành Nội khoa, Nhi khoa, Gây mê hồi sức, Tâm thần, Huyết học Truyền máu, Y học cổ truyền, Thần kinh, Da liễu, Truyền nhiễm và bệnh nhiệt đới, Y học gia đình, Lao, Hồi sức cấp cứu, Cấp cứu đa khoa, Phục hồi chức năng, Hóa sinh y học.

+ **Toán thống kê** cho các chuyên ngành Y tế công cộng, Y học dự phòng, Dịch tễ học.

+ **Ký sinh trùng** cho chuyên ngành Vi sinh Y học.

+ **Vi sinh** cho chuyên ngành Ký sinh trùng.

+ **Hóa hữu cơ** cho các chuyên ngành Tổ chức Quản lý dược, Dược liệu - Dược cổ truyền, Dược lý - Dược lâm sàng.

+ **Cơ sở Răng Hàm Mặt** cho chuyên ngành Răng Hàm Mặt.

+ **Điều dưỡng cơ bản** cho chuyên ngành Điều Dưỡng.

- MÔN CHUYÊN NGÀNH:

Theo ngành xin học, riêng chuyên ngành Y học gia đình thi môn tổng hợp (Nội khoa + Ngoại khoa + Sản phụ khoa + Nhi khoa + Y tế công cộng), chuyên ngành Điều dưỡng thi môn Điều dưỡng đa khoa.

4.2. THI VÀO CHUYÊN KHOA CẤP II: gồm 2 môn bắt buộc:

- MÔN CHUYÊN NGÀNH.

- **MÔN NGOẠI NGỮ:** Tương đương trình độ C (Anh/ Pháp/ Nga/ Đức/Trung).

Thí sinh được miễn thi Ngoại ngữ khi có một trong các điều kiện sau:

+ Có bằng tốt nghiệp Đại học, Thạc sĩ hoặc Tiến sĩ tại nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là tiếng Anh.

+ Có bằng tốt nghiệp Đại học, Thạc sĩ hoặc Tiến sĩ trong nước mà ngôn ngữ sử dụng trong đào tạo là tiếng Anh không qua phiên dịch.

+ Có bằng tốt nghiệp đại học ngành tiếng Anh.

+ Có chứng chỉ tiếng Anh TOEFL iBT 55 điểm hoặc TOEFL ITP (nội bộ) 450 hoặc IELTS 5.0 trở lên hoặc tương đương.

+ Các thí sinh đang làm việc ở các khu vực 1 và 2 nông thôn, nếu có một trong hai tiêu chuẩn sau sẽ được miễn thi ngoại ngữ đầu vào (nhưng trước khi tốt nghiệp phải thi đạt môn ngoại ngữ theo quy định tại công văn số 5267/BYT-K2ĐT ngày 29 tháng 7 năm 2008 của Bộ Y tế):

* Có thời gian công tác 3 năm trở lên liên tục tại khu vực 1.

* Không phải người dân tộc Kinh, công tác tại khu vực 2 nông thôn 3 năm liên tục trở lên.

V. THỜI GIAN TỔ CHỨC ÔN TẬP VÀ THI

- Thời gian nhận hồ sơ: từ nay đến hết ngày: **09/09/2014**.

- Thời gian ôn thi: từ ngày **15/09/2014** cho đến khi thi tuyển.

- Thời gian tổ chức thi tuyển: ngày **6 và 7 tháng 10 năm 2014**.

- Lệ phí:

+ Đăng ký dự thi: 60.000đ/thí sinh/hồ sơ (nộp khi nộp hồ sơ đăng ký dự thi)

+ Dự thi: 120.000đ/thí sinh/môn dự thi (nộp khi làm thủ tục dự thi).

Đối với các địa phương có nhu cầu mở lớp Chuyên khoa cấp I, đề nghị địa phương làm việc cụ thể với Nhà trường và làm thủ tục trình Bộ Y tế theo đúng nội dung của công văn số 2634/BYT-K2ĐT ngày 14 tháng 05 năm 2014.

Mọi chi tiết (kể cả bộ hồ sơ dự thi) xin liên hệ Phòng Đào tạo Sau đại học, Trường Đại học Y Dược Huế, 06 Ngô Quyền - Thành phố Huế.

Số điện thoại **054.3826451**, số máy lẻ: **1072**. Email: **sdh.dhyh@gmail.com**

Nơi nhận:

- Đại học Huế.
- Các Sở Y tế.
- Các Bệnh viện, các cơ sở y tế
- Các Trường Cao đẳng, THYT, TT Đào tạo Y tế
- Lưu VT; KH-TC, ĐT-SĐH.



GS.TS. Cao Ngọc Thành